

BSCK1. Phác đồ tầm soát ung thư vú

1. ĐIỀU KIỆN NGỮ UNG THƯ VÚ

1.1. Dịch tễ

Xét trên bình diện toàn cầu, ung thư vú (UTV) không chỉ là bệnh lý ác tính hàng đầu ở nữ giới mà còn là một thách thức y tế công cộng nghiêm trọng với xu hướng 46,8/100.000 và tỷ lệ tử vong 12,7/100.000 phụ nữ theo dữ liệu GLOBOCAN 2022. Tại Việt Nam, xu hướng này cũng trở nên rõ nét khi UTV chiếm vị trí phổ biến nhất với hơn 24.500 ca mắc mới tính riêng trong năm 2022. Mặc dù xếp thứ tư về nguyên nhân gây tử vong do ung thư nói chung với khoảng 10.000 trường hợp tử vong vào năm 2022, nhưng gánh nặng bệnh tật của UTV lại có sự phân hóa rõ rệt theo trình độ phát triển kinh tế - xã hội.

Cụ thể, theo IARC (2020), có một số tình trạng đáng chú ý giữa các quốc gia dựa trên chỉ số phát triển con người (HDI): tại những vùng có HDI rất cao, dù xác suất mắc bệnh (1/12) nhưng tỷ lệ tử vong lại được kiểm soát ở mức thấp (1/71). Ngược lại, tại các quốc gia có HDI thấp, xác suất chẩn đoán bệnh tuy ít hơn (1/27) nhưng nguy cơ tử vong lại cao hơn đáng kể với tỷ lệ 1/48. Song nghịch lý này phần lớn ảnh hưởng trực tiếp đến cách và năng lực y tế giữa các khu vực; trong khi nhóm quốc gia thu nhập cao đầu tư đáng kể vào sàng lọc sớm và áp dụng phác đồ điều trị tiên tiến, thì tại các nước thu nhập thấp và trung bình, bệnh nhân thường phải đi tìm kiếm và tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hạn chế.

